

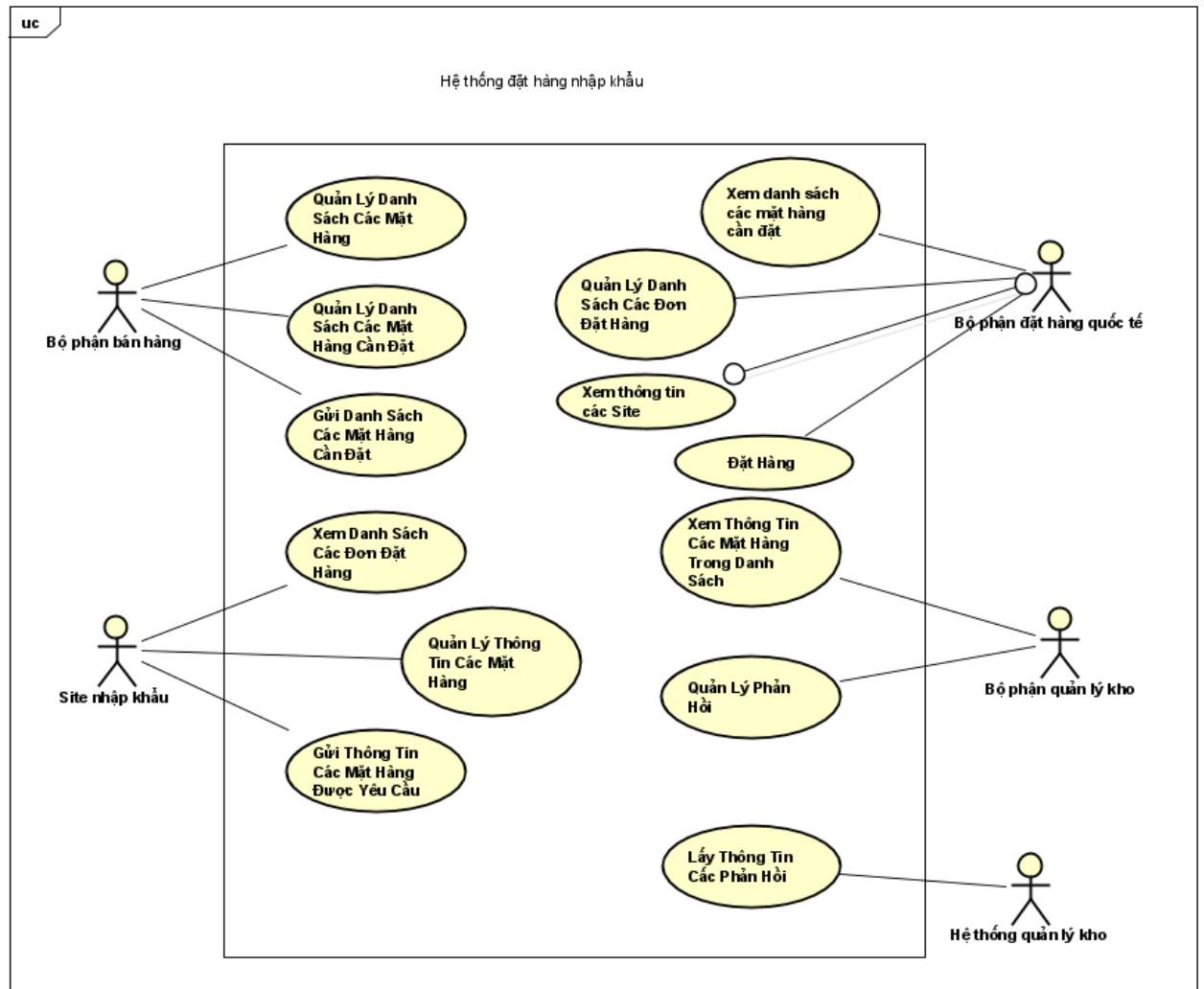
Phân tích yêu cầu

Nhóm 20

- Phạm Công Hào 20215045 “UC Sửa mặt hàng”
- Nguyễn Hồ Tấn Tài 20215134

1 Biểu đồ use case

1.1 Biểu đồ use case tổng quan



Giải thích về các use case:

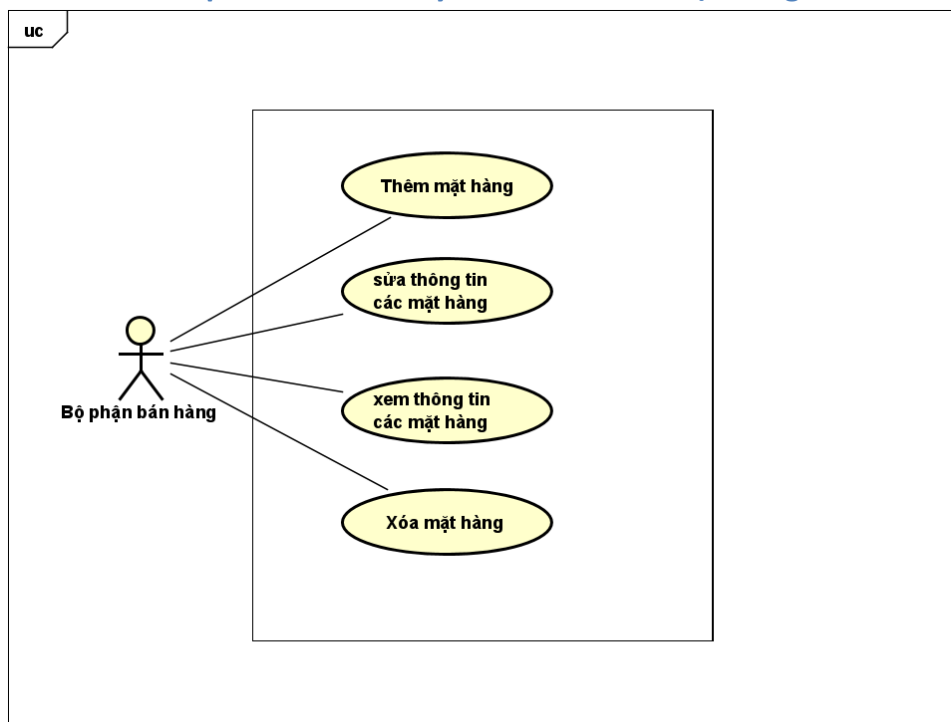
- Xem thông tin Site: Bộ phận bán hàng quốc tế có thể xem thông tin về phương tiện vận, số lượng, danh sách các loại mặt hàng mà mỗi Site đang kinh doanh.

Composite use case:

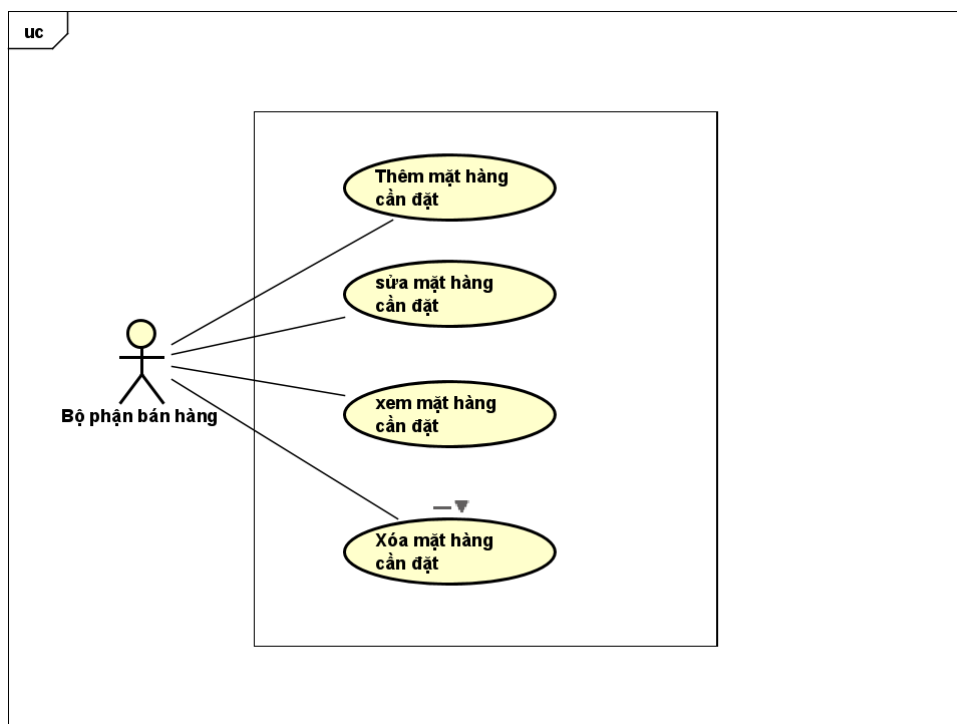
- Quản lý danh sách các mặt hàng: Bộ phận bán hàng có thể thêm, sửa, xóa, xem thông tin của một mặt hàng trong danh sách các mặt hàng đang bán của cửa hàng.
- Quản lý danh sách các mặt hàng cần đặt: Bộ phận bán hàng có thể tạo đơn đặt hàng mới, thêm, xóa, sửa, xem thông tin các mặt hàng cần đặt.

- Quản lý danh sách các đơn đặt hàng: Bộ phận đặt hàng quốc tế có thể xem danh sách các đơn đặt hàng do bên Bộ phận bán hàng cung cấp. Với mỗi Site, Bộ phận đặt hàng quốc tế có thể tạo mới 1 đơn đặt hàng tương ứng.
- Quản lý thông tin các mặt hàng: Các Site có thể xem, thêm, sửa, xóa thông tin của các mặt hàng.
- Quản lý phản hồi: Quản lý kho có thể tạo ra các phản hồi, thêm, sửa, xóa thông tin của các mặt hàng còn thiếu.

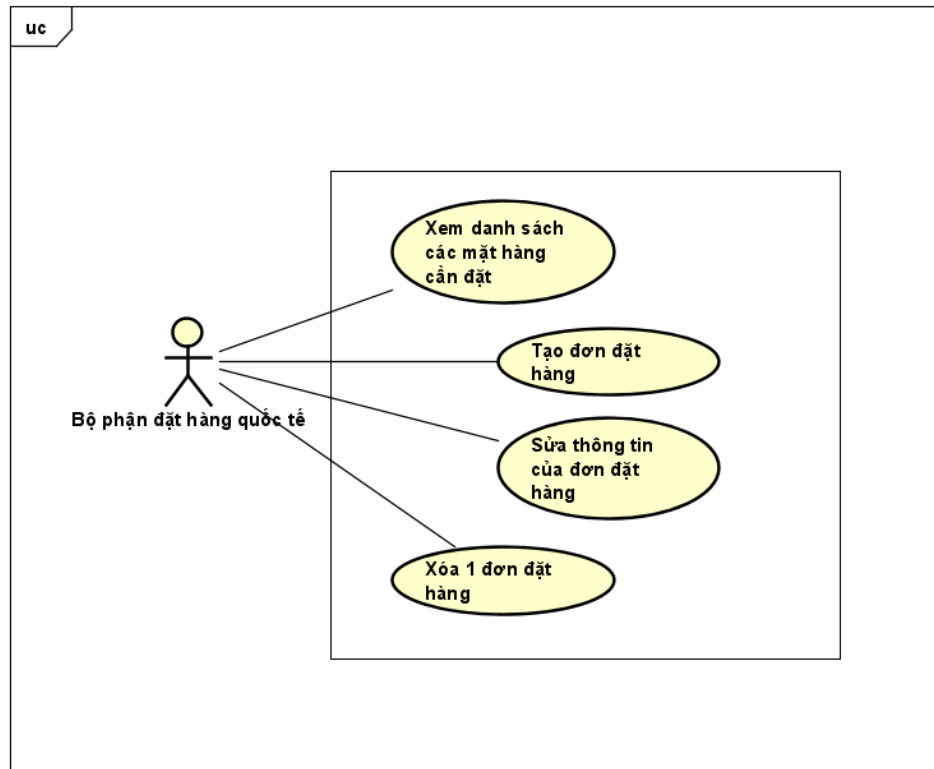
1.2 Biểu đồ use case phân rã “Quản lý danh sách các mặt hàng”



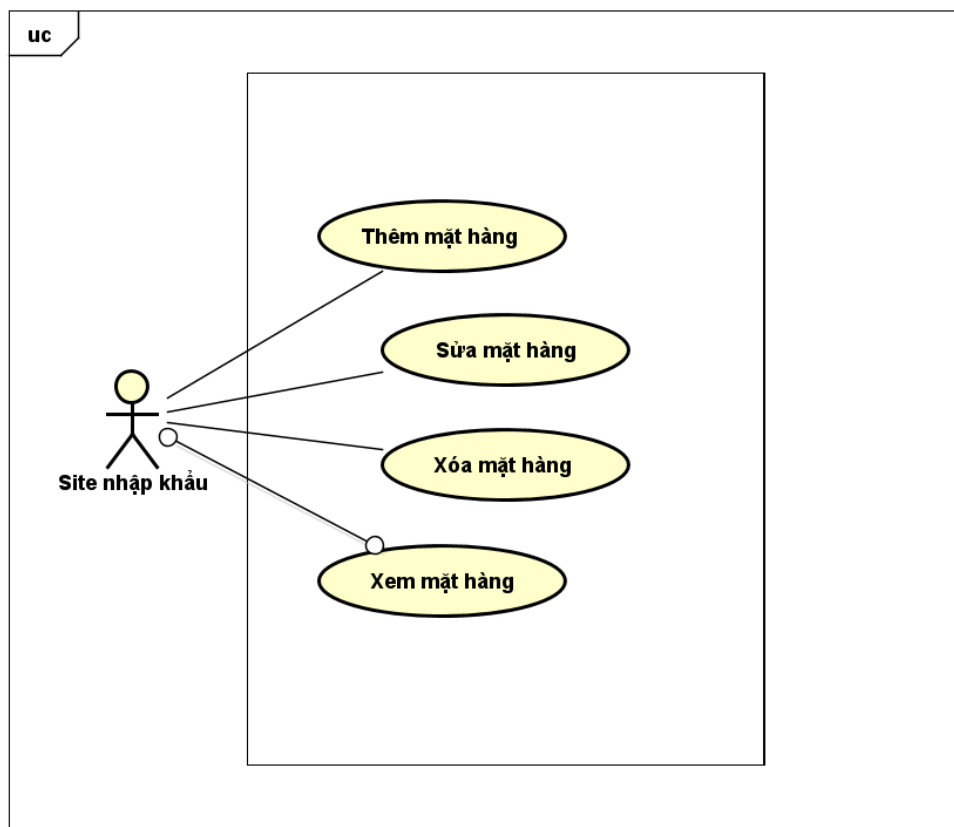
1.3 Biểu đồ use case phân rã “Quản lý danh sách các mặt hàng cần đặt”



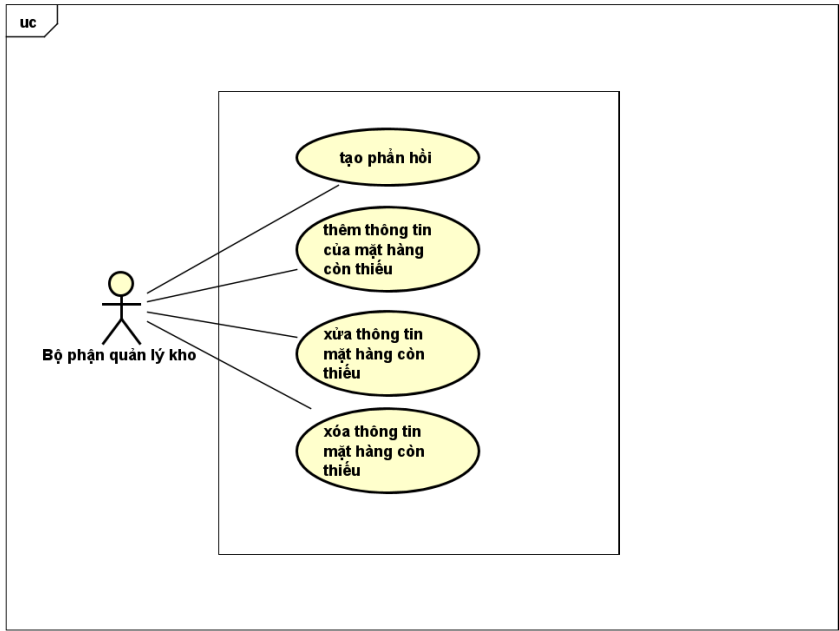
1.4 Biểu đồ use case phân rã “Quản lý danh sách các đơn đặt hàng”



1.5 Biểu đồ use case phân rã “Quản lý thông tin các mặt hàng”



1.6 Biểu đồ use case phân rã “Quản lý phản hồi”



2 Đặc tả Use case

2.1 Use case “Sửa mặt hàng”

Mã Use case	UC001	Tên Use case	Sửa mặt hàng
Tác nhân	Site nhập khẩu		
Tiền điều kiện	Mặt hàng tồn tại		
Luồng sự kiện chính (Thành công)	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Site nhập khẩu	Chọn chức năng Sửa sản phẩm của hệ thống.
	2.	Hệ thống	Hiển thị tìm kiếm sản phẩm
	3.	Site nhập khẩu	Nhập thông tin của mặt hàng muốn chỉnh sửa VD: "mã hàng, tên hàng".
	4.	Hệ thống	Hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin của mặt hàng.
	5.	Site nhập khẩu	Thực hiện các thao tác cập nhật để thay đổi các thông tin của sản phẩm VD: thay đổi tên, số lượng, đơn vị, giá, mã sản phẩm.
	6.	Site nhập khẩu	Chọn lưu thông tin.
	7.	Hệ thống	Kiểm tra các trường bắt buộc có để trống hay không.
	8.	Hệ thống	Kiểm tra mã hàng có bị trùng hay không.
	9.	Hệ thống	Kiểm tra các trường có nhập đúng định dạng hay chưa.
	10.	Hệ thống	Thông báo cập nhật thành công.
Luồng sự kiện thay thế	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	4a.	Hệ thống	Đưa ra thông báo không tìm thấy sản

		phẩm: nếu Site không có mặt hàng muốn chỉnh sửa.
	7a.	Hệ thống Đưa ra thông báo lỗi: nếu các trường thông tin chưa điền đủ.
	8a.	Hệ thống Đưa ra thông báo trùng mã hàng: nếu đã tồn tại 1 mã hàng như vậy có trong Site
	9a.	Hệ thống Đưa ra thông báo lỗi: nếu nhập các trường thông tin không đúng định dạng
Hậu điều kiện		Không

* Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân gồm các trường dữ liệu sau:

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Mã mặt hàng	Định danh cho 1 loại mặt hàng	Có	Không được có dấu và các ký tự đặc biệt	DY
2.	Tên mặt hàng		Có		Dày
3.	Số lượng	Số lượng của 1 mặt hàng trong kho	Có	Là 1 số không âm	200
4.	Đơn vị		Có	Là 1 số không âm	
5.	Giá		Có	Là 1 số không âm	1tr2

3 Từ điển thuật ngữ

- Site nhập khẩu (Import site): Địa điểm hoặc đơn vị ở nước ngoài mà chúng ta nhập hàng hóa từ đó.
- Đơn hàng (Order): Một yêu cầu cụ thể từ khách hàng hoặc bộ phận bán hàng để mua hoặc nhập hàng hóa.
- Mã hàng (Merchandise code): Mã định danh duy nhất được gán cho mỗi mặt hàng hoặc sản phẩm trong hệ thống.
- Số lượng đặt hàng (Quantity ordered): Số lượng hàng hóa được yêu cầu trong một đơn hàng cụ thể.
- Đơn vị (Unit): Đơn vị đo lường hoặc đơn vị tính của hàng hóa, ví dụ: cái, hộp, thùng, kg, ...

4 Đặc tả phụ trợ

4.1 Chức năng

Cxxx

4.2 Hiệu năng

Xxxx

4.3 Độ tin cậy

...